

Thành phố B, ngày 03 tháng 5 năm 2019

Số: 712/2019/QĐST-VHNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 865/2019/TLST-VHNGĐ, ngày 25/4/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973.

Anh **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/1999 nên căn cứ Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay chị L và anh Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 28/12/2000 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo Th, sinh ngày 21/02/2009. Ly hôn, chị L và anh Đ thỏa thuận giao cháu T cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu O đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu gì. Tạm thời, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành Đ mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L, anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004777 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973 và anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1974 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh Đ, giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 21/02/2009 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản chị L thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành Đ mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L, anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004777 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào